

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỒ SƠ NĂNG LỰC KINH NGHIỆM
CÔNG TY CỔ PHẦN GÓM VÀ XÂY DỰNG HẠ LONG I

QUẢNG NINH, 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH



GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Số 619 /GP-UBND
Ngày cấp 10 tháng 3 năm 2022

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 619/GP-UBND

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 3 năm 2022

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
(GIA HẠN)
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 và Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ điều chỉnh Quy hoạch thăm dò, khai thác sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng và khoáng sản phân tán nhỏ lẻ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030 đã được Hội đồng nhân dân Tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 119/NQ-HĐND ngày 13/7/2018, số 41/NQ-HĐND ngày 30/9/2021; Ủy ban nhân dân Tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 42/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018;

Căn cứ Quyết định số 429/QĐ-UBND ngày 29/02/2012; điều chỉnh tại Giấy phép khai thác khoáng sản số 2253/GP-UBND ngày 07/10/2014;

Xét Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản và hồ sơ của Công ty cổ phần Gốm Xây dựng Hạ Long 1 nộp tại Trung tâm Hành chính công, Sở Tài nguyên và Môi trường; bổ sung tại Văn bản số 29/2022/VB-CT ngày 04/3/2022;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 76/TTr-TNMT-NKB ngày 28/02/2022 Về việc gia hạn thời hạn khai thác mỏ sét gạch ngói tại xã Lê Lợi, thành phố Hạ Long theo Quyết định số 429/QĐ-UBND ngày 29/02/2012; điều chỉnh tại Giấy phép khai thác khoáng sản số 2253/GP-UBND ngày 07/10/2014 của Ủy ban nhân dân Tỉnh cấp cho Công ty cổ phần

Gốm Xây dựng Hạ Long 1; và tại Văn bản số 1099/TNMT ngày 07/3/2022 V/v điều chỉnh đề nghị gia hạn thời gian khai thác khoáng sản của Công ty cổ phần Gốm Xây dựng Hạ Long 1,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn khai thác khoáng sản được cấp phép tại Quyết định số 429/QĐ-UBND ngày 29/02/2012 (điều chỉnh tại Giấy phép khai thác khoáng sản số 2253/GP-UBND ngày 07/10/2014) để Công ty cổ phần Gốm Xây dựng Hạ Long 1 tiếp tục khai thác mỏ sét làm nguyên liệu sản xuất gạch ngói tại mỏ sét xã Lê Lợi, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; với các nội dung sau:

- Thời hạn khai thác đến ngày 31/12/2024;
- Công suất khai thác 40.000 m³/năm;
- Trữ lượng còn lại được phép khai thác: 188.167 m³;
- Địa chỉ tiêu thụ: Nhà máy sản xuất gạch ngói của Công ty cổ phần Gốm Xây dựng Hạ Long 1 tại xã Lê Lợi, thành phố Hạ Long và các nhà máy sản xuất gạch ngói trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Công ty cổ phần Gốm Xây dựng Hạ Long 1 có trách nhiệm:

1. Chấp hành đúng các quy định pháp luật về khoáng sản, đất đai, môi trường và các quy định liên quan trong quá trình hoạt động; thực hiện theo đúng nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản, quyết định phê duyệt trữ lượng, thiết kế khai thác, báo cáo đánh giá tác động môi trường, hợp đồng thuê đất và các thủ tục pháp lý đã được thẩm định, phê duyệt.

Tiếp tục thực hiện các nội dung khác theo Quyết định số 429/QĐ-UBND ngày 29/02/2012; điều chỉnh tại Giấy phép khai thác khoáng sản số 2253/GP-UBND ngày 07/10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Nộp lệ phí cấp gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản và các khoản phí, nghĩa vụ tài chính có liên quan theo quy định pháp luật.

3. Tiếp tục nghiên cứu các giải pháp phù hợp với quy định pháp luật, chỉ đạo của Tỉnh để việc quản lý trữ lượng tài nguyên khoáng sản sét còn lại tại khu vực đảm bảo hiệu quả, tránh lãng phí.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Quyết định số 429/QĐ-UBND ngày 29/02/2012; điều chỉnh tại Giấy phép khai thác khoáng sản số 2253/GP-UBND ngày 07/10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, UBND thành phố Hạ Long và các đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức quản lý, giám sát chặt chẽ, đảm bảo hoạt động tại khu vực mỏ khoáng sản nêu trên tuân thủ theo đúng quy định pháp luật về khoáng sản, đất đai, môi trường và các quy định liên quan; tuân thủ theo

đúng các hồ sơ thủ tục pháp lý đã được các cơ quan thẩm quyền thẩm định, phê duyệt (như về công suất, trữ lượng, chủng loại khoáng sản, ranh giới, diện tích, độ sâu, thiết kế khai thác...) và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm./. *Th*

Nơi nhận:

- CT, các PCT (P1, P2, P4) UBND tỉnh;
 - Công ty cổ phần Gốm Xây dựng Hạ Long 1 (bản chính);
 - Sở Tài nguyên và Môi trường (bản chính);
 - Các sở, ngành: Xây dựng, Cục thuế (bản sao);
 - UBND thành phố Hạ Long (bản sao);
 - Trung tâm Hành chính công tỉnh (bản sao);
 - V0-V3, XD, QLĐĐ, MT, QH, TM;
 - Lưu VT, CN (bản chính).
- QĐ.61b

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Cao Tường Huy

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**TỌA ĐỘ RANH GIỚI KHU VỰC GIA HẠN GIẤY PHÉP KHAI THÁC
KHOÁNG SẢN TẠI MỎ SÉT XÃ LÊ LỢI, THÀNH PHỐ HẠ LONG**

(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số **619** /GP-UBND
ngày **10** tháng **3** năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên điểm	Toạ độ VN 2000 kinh tuyến trục 107 ⁰ 45' múi chiếu 3 ⁰	
		X (m)	Y (m)
1	1	2325 920	422 167
2	2	2325 938	422 217
3	3	2325 929	422 264
4	4	2325 950	422 390
5	5	2325 868	422 555
6	6	2326 153	422 602
7	7	2326 361	422 579
8	8	2326 411	422 406
Diện tích: 14,08 ha			

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5657/UBND

Hạ Long, ngày 26 tháng 7 năm 2022

V/v gia hạn thuê đất cho Công ty cổ phần
gốm và xây dựng Hạ Long I để khai thác sét
làm nguyên liệu sản xuất gạch ngói tại thôn
Tân Tiến, xã Lê Lợi, thành phố Hạ Long

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ Luật Đất đai được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy
định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa
đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài
nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục
đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 1989/QĐ-UBND ngày 14/5/2019 của UBND tỉnh
Quảng Ninh về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng khu vực phía Nam
huyện Hoành Bồ (trước sáp nhập) đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 2841/QĐ-UBND ngày 07/9/2011 của UBND tỉnh
Quảng Ninh về việc phê duyệt mặt bằng Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khai thác sét
làm vật liệu xây dựng sản xuất gạch tại xã Lê Lợi, huyện Hoành Bồ (trước sáp nhập);

Căn cứ Quyết định số 2691/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của UBND tỉnh
Quảng Ninh về việc cho Công ty cổ phần gốm và xây dựng Hạ Long I thuê đất giai
đoạn 1 theo phương thức thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm để sử dụng vào mục đích
khai thác sét sản xuất gạch nung tại xã Lê Lợi, huyện Hoành Bồ (trước sáp nhập);

Căn cứ Quyết định số 1363/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 về việc phê duyệt trữ
lượng trong Báo cáo kết quả tổng hợp tài liệu địa chất, thăm dò bổ sung và tính trữ
lượng cát xen kẹp giữa các lớp sét làm vật liệu xây dựng thông thường trong ranh giới
Giấy phép khai thác khoáng sản số 429/QĐ-UBND ngày 29/02/2012 tại xã Lê Lợi,
huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh (trữ lượng tính đến ngày 05 tháng 12 năm 2017);

Căn cứ Quyết định số 483/QĐ-UBND ngày 22/02/2021 về việc phê duyệt
Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư khai thác sét, thu hồi cát
xen kẹp làm nguyên liệu sản xuất gạch ngói và làm vật liệu xây dựng tại mỏ sét
xã Lê Lợi, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh của Công ty Cổ phần Gốm và
Xây dựng Hạ Long I;

Căn cứ Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 17/3/2021 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của thành phố Hạ Long;

Căn cứ Quyết định số 2204/QĐ-UBND ngày 06/7/2021 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc bổ sung, đính chính một số nội dung trong Quyết định số 483/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư khai thác sét, thu hồi cát xen kẹp làm nguyên liệu sản xuất gạch ngói và làm vật liệu xây dựng tại mỏ sét xã Lê Lợi, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh của Công ty Cổ phần Gốm và Xây dựng Hạ Long I;

Căn cứ Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố Hạ Long;

Căn cứ Quyết định số 1948/QĐ-UBND ngày 08/7/2022 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố Hạ Long;

Căn cứ Văn bản số 166/TĐ-SXD ngày 02/7/2020 của Sở xây dựng về việc thông báo kết quả thẩm định KTCS công trình mở lộ thiên dự án đầu tư khai thác sét, thu hồi cát xen kẹp làm nguyên liệu sản xuất gạch ngói và làm vật liệu xây dựng tại mỏ sét xã Lê Lợi, thành phố Hạ Long;

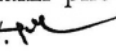
Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) số 619/GP-UBND ngày 10/3/2022 do UBND tỉnh Quảng Ninh cấp để Công ty Cổ phần Gốm và Xây dựng Hạ Long I tiếp tục khai thác mỏ sét làm nguyên liệu sản xuất gạch ngói tại mỏ sét xã Lê Lợi, thành phố Hạ Long;

Căn cứ Biên bản thẩm tra hồ sơ đất đai do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh lập ngày 14/6/2022;

UBND thành phố Hạ Long đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, trình UBND tỉnh Quảng Ninh gia hạn thời gian thuê đất cho Công ty cổ phần gốm và xây dựng Hạ Long I, với các nội dung sau:

- Vị trí khu đất: thôn Đồng Tâm, xã Lê Lợi, thành phố Hạ Long.
- Diện tích xin gia hạn thuê đất: 114.993,8 m². Thời hạn xin gia hạn thuê đất: Đến ngày 31/12/2024.
- Mục đích sử dụng: để khai thác sét làm nguyên liệu sản xuất gạch ngói tại mỏ sét xã Lê Lợi, thành phố Hạ Long.
- Ranh giới diện tích được xác định theo Bản đồ trích lục và đo vẽ bổ sung khu đất xin thuê Giai đoạn I - kèm theo.

(Phần diện tích đất xin gia hạn nằm trong Dự án khu đô thị sinh thái và biệt thự nghỉ dưỡng hồ An Biên tại xã Lê Lợi, phường Hoàn Bồ được UBND Tỉnh phê duyệt tại Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố Hạ Long, tuy nhiên dự án chưa được chấp thuận chủ trương đầu tư, cũng như chưa lựa chọn được nhà đầu tư. Ngày 03/6/2022, UBND Thành phố Hạ Long đã gửi tờ trình xin điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất năm 2022, trong đó, điều chỉnh diện tích 11,5ha là hiện trạng do Công ty Cổ phần gốm xây dựng Hạ Long I đang khai thác mỏ sét ra khỏi diện tích Dự án khu đô thị sinh thái và biệt thự nghỉ dưỡng hồ An Biên tại xã Lê Lợi, phường Hoàn Bồ; và được UBND Tỉnh Quảng Ninh phê duyệt tại Quyết định số 1948/QĐ-UBND ngày 08/7/2022).

Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết. 

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- UBND tỉnh Quảng Ninh (báo cáo);
- TT TU, HĐND Thành phố (báo cáo);
- CT, PCT (P₃) UBND TP;
- Phòng TNMT, QLĐT TP;
- UBND xã Lê Lợi;
- Công ty cổ phần gốm và xây dựng Hạ Long I;
- V0 – V3;
- Lưu: VT, XD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Nhã

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

Số 2576/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ninh, ngày 07 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc đính chính nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản số
619/GP-UBND ngày 10/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 619/GP-UBND ngày 10/3/2022 của UBND tỉnh gia hạn khai thác khoáng sản được cấp phép tại Quyết định số 429/QĐ-UBND ngày 29/02/2012 (điều chỉnh tại Giấy phép khai thác khoáng sản số 2253/GP-UBND ngày 07/10/2014) để Công ty cổ phần Gốm Xây dựng Hạ Long 1 tiếp tục khai thác mỏ sét làm nguyên liệu sản xuất gạch ngói tại mỏ sét xã Lê Lợi, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5700594407 đăng ký lần đầu ngày 01/6/2006, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 31/08/2021 của Công ty cổ phần Gốm và Xây dựng Hạ Long 1.

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 306/TTr-TNMT-NKB ngày 12/8/2022 về việc sửa đổi, đính chính nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản số 619/GP-UBND ngày 10/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Định chính nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản số 619/GP-UBND ngày 10/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh cấp cho Công ty cổ phần Gốm và Xây dựng Hạ Long 1 khai thác sét làm gạch ngói tại xã Lê Lợi, thành phố Hạ Long với nội dung chính như sau:

Nội dung đã ghi tại Giấy phép khai thác khoáng sản số 619/GP-UBND ngày 10/3/2022: Công ty cổ phần Gốm Xây dựng Hạ Long 1.

Nay sửa đổi thành: Công ty cổ phần Gốm và Xây dựng Hạ Long 1.

Lý do điều chỉnh: Do sai sót kỹ thuật soạn thảo văn bản.

Các nội dung khác không thay đổi, Công ty tiếp tục thực hiện theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 619/GP-UBND ngày 10/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 2. Công ty cổ phần Gốm và Xây dựng Hạ Long 1 có trách nhiệm:

Tiếp tục khai thác khoáng sản, thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định tại Giấy phép khai thác khoáng sản số 619/GP-UBND ngày 10/3/2022.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và là một bộ phận cấu thành của Giấy phép khai thác khoáng sản số 619/GP-UBND ngày 10/3/2022.

Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Cục trưởng Cục thuế tỉnh; người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Gốm và Xây dựng Hạ Long 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *th*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- V0, V1, XD, CN, TM;
- Lưu: VT, CN2;

QĐ28

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Cao Tường Huy

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

Số: 483 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ninh, ngày 22 tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư khai thác sét, thu hồi cát xen kẹp làm nguyên liệu sản xuất gạch ngói và làm vật liệu xây dựng tại mỏ sét xã Lê Lợi, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh của Công ty Cổ phần Gốm và Xây dựng Hạ Long I

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/06/2014;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 2841/QĐ-UBND ngày 07/09/2011 về việc phê duyệt mặt bằng Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khai thác sét làm vật liệu xây dựng sản xuất gạch tại xã Lê Lợi, huyện Hoành Bồ; Quyết định số 1363/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 về việc phê duyệt trữ lượng trong Báo cáo tổng hợp tài liệu địa chất, thăm dò bổ sung và tính trữ lượng cát xen kẹp giữa các lớp sét làm vật liệu xây dựng thông thường trong ranh giới Giấy phép khai thác khoáng sản số 429/QĐ-UBND Ngày 29/02/2012 tại xã Lê Lợi, huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Văn bản số 2828/UBND-CN ngày 04/05/2020 của UBND tỉnh về việc thu hồi khoáng sản cát xen kẹp đi kèm trong quá trình khai thác khoáng sản sét tại mỏ sét xã Lê Lợi, thành phố Hạ Long đối với Công ty Cổ phần gốm và xây dựng Hạ Long I.

Theo đề nghị của Chủ tịch hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư khai thác sét, thu hồi cát xen kẹp làm nguyên liệu sản xuất gạch ngói và làm vật liệu xây dựng tại mỏ sét xã Lê Lợi, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh của Công ty Cổ phần Gốm và Xây dựng Hạ Long I tại Biên bản phiên họp chính thức ngày 12/10/2020 tại thành phố Hạ Long;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động của Dự án đầu tư khai thác sét, thu hồi cát xen kẹp làm nguyên liệu sản xuất gạch ngói và làm vật liệu xây dựng tại mỏ sét xã Lê Lợi, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm văn bản số 193/CV-ĐTM, ngày 25/01/2021 của Công ty Cổ phần Gốm và Xây dựng Hạ Long I;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 11/TTr-TNMT ngày 03/02/2021,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của Dự án đầu tư khai thác sét, thu hồi cát xen kẹp làm nguyên liệu sản xuất gạch ngói và làm vật liệu xây dựng tại mỏ sét xã Lê Lợi, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh của Công ty Cổ phần Gốm và Xây dựng Hạ Long I (Chủ Dự án) với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án và không đồng nghĩa với việc cho phép triển khai Dự án.

- Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về tính hợp lý, hợp pháp và các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được duyệt.

- UBND thành phố Hạ Long thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường theo đúng quy định tại khoản 2, Điều 143, Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các Ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long; Giám đốc Công ty Cổ phần Gốm và Xây dựng Hạ Long I và các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Như Điều 4;
- Các Sở: XD, TC, NN&PTNT;
- Công an tỉnh;
- V0, V1-3, MT;
- Lưu: VT, MT;
- 10 bản, M-QĐ 29

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Cao Tường Huy

PHỤ LỤC CÁC NỘI DUNG VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Dự án đầu tư khai thác sét, thu hồi cát xen kẹp làm nguyên liệu sản xuất gạch ngói và làm vật liệu xây dựng tại mỏ sét xã Lê Lợi, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh của Công ty Cổ phần Gốm và Xây dựng Hạ Long I

(Kèm theo Quyết định số 483/QĐ-UBND ngày 22/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)



1. Thông tin về Dự án:

1.1. Thông tin chung.

- Tên dự án: Dự án đầu tư khai thác sét, thu hồi cát xen kẹp làm nguyên liệu sản xuất gạch ngói và làm vật liệu xây dựng tại mỏ sét xã Lê Lợi, thành phố Hạ Long.

- Địa điểm thực hiện dự án: Dự án thuộc thôn Đồng Tâm, xã Lê Lợi, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Ranh giới tiếp giáp như sau:

+ Phía Bắc giáp đồi và khu hồ An Biên.

+ Phía Nam giáp nhà máy gạch của Công ty.

+ Phía Tây, Đông giáp đồi.

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Gốm và Xây dựng Hạ Long I.

- Đại diện chủ dự án: Ông Nguyễn Hữu Gấm, Chức vụ: Giám đốc.

- Địa chỉ liên hệ: xã Lê Lợi, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất, công nghệ của dự án.

1.2.1. Phạm vi của báo cáo ĐTM: Báo cáo không thực hiện đánh giá tác động đối với giai đoạn chuẩn bị (dọn dẹp mặt bằng) và hoạt động xây dựng đường công vụ trong mỏ, lán trại tạm. Lý do: Dự án trước đó đã được UBND tỉnh cho phép khai thác sét làm nguyên vật liệu sản xuất gạch nung tại Giấy phép khai thác khoáng sản số 429/QĐ-UBND ngày 29/02/2012 và số 2253/GP-UBND ngày 07/10/2014, đã được đánh giá tác động môi trường cho giai đoạn chuẩn bị tại giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường số 317/UBND ngày 15/7/2008 của UBND huyện Hoành Bồ (nay là thành phố Hạ Long). Công ty đã thực hiện xong công tác đầu tư xây dựng cơ bản và thực hiện khai thác mỏ từ năm 2002.

1.2.2 Quy mô, công suất của Dự án.

a. Quy mô sử dụng đất

- Tổng diện tích đất sử dụng: 13,711 ha (theo Quyết định số 2841/QĐ-UBND ngày 07/9/2011 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt mặt bằng Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khai thác sét làm vật liệu xây dựng sản xuất gạch tại xã Lê Lợi, huyện Hoành Bồ).

- Tính chất của dự án: Là khu mỏ khai thác sét phục vụ nhà máy gạch của Công ty Cổ phần gốm và xây dựng Hạ Long I và thu hồi cát xen kẹp đi kèm trong quá trình khai thác sét làm nguyên liệu phối trộn trong quá trình sản xuất gạch ngói và làm vật liệu xây dựng thông thường.

b. Quy mô khai thác của dự án

- Công suất thiết kế: 40.000 m³ sét/năm; 40.000 m³ cát/năm (theo Quyết định số 2841/QĐ-UBND ngày 07/9/2011 của UBND tỉnh về việc phê duyệt mặt bằng Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khai thác sét làm vật liệu xây dựng sản xuất gạch tại xã Lê Lợi, huyện Hoàn Bô và văn bản số 2828/UBND-CN ngày 04/05/2020 của UBND tỉnh về việc thu hồi khoáng sản cát xen kẹp đi kèm trong quá trình khai thác khoáng sản sét tại mỏ sét xã Lê Lợi, thành phố Hạ Long đối với Công ty Cổ phần gốm và xây dựng Hạ Long I).

- Thời gian hoạt động của dự án: Đến năm 2030.

b. Quy mô lao động.

- Giai đoạn vận hành: 21 lao động.

1.2.3. Công nghệ sản xuất.

- Công nghệ khai thác: Xử lý thực bì chuẩn bị khai thác → Khai thác sét, cát bằng máy xúc thủy lực gầu ngược → Vận chuyển bằng ô tô → Bãi chứa nguyên liệu của Nhà máy gạch ngói để sản xuất, một phần cát được vận chuyển đi tiêu thụ.

- Trình tự khai thác: Hệ thống khai thác dọc theo bờ công tác. Trình tự khai thác từ trên xuống dưới, từ phía Tây Nam sang phía Đông Nam rồi dần về phía Đông Bắc và Tây Bắc khu mỏ.

1.3. Các hạng mục, công trình của dự án.

a. Các hạng mục công trình chính:

- Mỏ vỉa: Mỏ khai thác sét đã được Công ty hoàn thành xây dựng cơ bản và đưa vào khai thác. Tạo mặt tầng công tác đầu tiên tại mức +10m ở phía Tây Nam khu mỏ, chiều dài: 40m, chiều rộng: 15m, diện tích khoảng: 600 m².

- Giao thông vận tải: Sét được vận chuyển về nhà máy gạch ngói của Công ty bằng ô tô chuyên dụng, đi theo tuyến đường công vụ trong mỏ, kết cấu đường đất, chiều rộng đường từ 9÷15m, sau đó đi vào tuyến đường công vụ của nhà máy gạch ngói, chiều dài khoảng 200m, chiều rộng đường từ 7÷9m. Khoảng cách từ khai trường về đến khu vực bãi chứa nguyên liệu nhà máy sản xuất gạch khoảng 300m. Đất đá thải san gạt phủ mặt bằng tại khu vực đã kết thúc khai thác, không vận chuyển đổ thải ngoài dự án.

- Nhà điều hành: Dự án không bố trí nhà điều hành do sử dụng nhà làm việc văn phòng của nhà máy gạch ngói.

- Công trình phục vụ sản xuất: Không đầu tư xây dựng công trình, thiết bị chế biến sét tại mỏ. Lý do: Sét nguyên liệu được vận chuyển về bãi chứa nguyên liệu của Nhà máy gạch ngói ngay sau khi khai thác, không thực hiện chế biến sét

tại dự án. Tại mỏ lấp đặt thiết bị sàng rửa cát công suất nhỏ từ 18-30 tấn/h; thiết bị gọn nhẹ. Số lượng: 01 thiết bị. Vị trí lắp đặt: phía Nam mỏ. Không thực hiện đầu tư xây dựng công trình kiên cố.

- Bãi thải: Dự án không bố trí bãi thải do khối lượng đất thải không trồng cây sẽ được lấp đầy moong khu vực đã kết thúc khai thác và san gạt mặt bằng kết thúc khai thác, khối lượng đất bóc bề mặt của dự án sẽ được phủ lên trên để trồng cây. Toàn bộ lượng đất thải được tận dụng để san lấp mặt bằng giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kết thúc toàn bộ dự án.

b. Các hạng mục công trình phụ trợ:

- Công trình tạm: hiện đã có 01 công trình tạm, diện tích khoảng 15 m² phục vụ công tác bảo vệ tài sản, máy móc thiết bị. Kết cấu: Khung thép, quay tôn, mái lợp tôn, nền đất đầm chặt.

- Cấp điện: Nguồn điện lấy từ tuyến dây điện 35/6kV; 6/0,4 kV của điện lực tỉnh Quảng Ninh cấp về nhà máy gạch ngói của công ty.

- Cấp nước: Nguồn nước cấp cho sinh hoạt (nhà vệ sinh di động, rửa tay chân) mua từ nguồn nước sạch của đơn vị cung cấp trên địa bàn, chứa trong các téc nước đặt tại nhà máy sản xuất gạch ngói. Nước phun dập bụi, sàng rửa cát lấy từ hồ nước phía Tây Nam trong mỏ. Nhu cầu sử dụng nước cho sinh hoạt khoảng 0,53 m³/ngày.đêm; Nước dập bụi tuyến đường vận chuyển trung bình khoảng 10÷20m³/ngày; Nước sử dụng cho sản xuất (sàng rửa cát) khoảng 78 m³/ngày.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

2.1.1. Giai đoạn thi công

- Tác động do quá trình thi công moong khai thác: bụi, khí thải phát thải từ các phương tiện vận tải và thiết bị cơ giới, vận hành máy móc, thiết bị trong quá trình thi công.

- Tác động từ hoạt động sinh hoạt của công nhân; tác động từ nước mưa chảy tràn.

2.1.2. Giai đoạn vận hành:

Việc tiến hành khai thác, vận chuyển sét nguyên liệu và vận chuyển đồ thải làm phát sinh bụi, khí thải thải; tác động từ nước mưa chảy tràn khu khai trường; nước thải sinh hoạt của công nhân trên công trường và nguy cơ xảy ra mất an toàn lao động, sự cố cháy nổ, sạt lở bãi thải, cháy rừng...

2.1.3. Giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường:

Việc tiến hành thi công san gạt, vận chuyển đất hữu cơ, cũng như vận chuyển cây giống, phân bón sẽ làm gia tăng mật độ lao động, gia tăng nước thải sinh hoạt, nước thải khác, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, tiếng ồn, bụi, khí thải động cơ và nguy cơ xảy ra mất an toàn lao động, sự cố cháy nổ, cháy rừng...

2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

2.2.1. Giai đoạn thi công:

- Bụi, khí thải phát sinh do các hoạt động thi công xây dựng tạo diện khai thác đầu tiên và vận chuyển chất thải đi đổ thải với thành phần chủ yếu gồm: bụi, NO_2 , SO_2 , CO , CO_2 .

2.2.2. Giai đoạn vận hành:

- Hoạt động đào xúc trong quá trình khai thác sét; vận chuyển sét, cát về nhà máy sản xuất gạch ngói; hoạt động các thiết bị, máy thi công trên công trường sử dụng dầu DO gây phát sinh chủ yếu là bụi và khí thải. Tính chất bụi, khí thải chủ yếu: TSP; SO_2 ; NO_2 ; CO .

2.3. Quy mô, tính chất của nước thải

2.3.1. Giai đoạn thi công:

- Nước thải sinh hoạt: phát sinh từ hoạt động của các cán bộ công nhân xây dựng mỏ với khối lượng khoảng $0,25 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$. Thành phần: chất cặn bã, chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD) và các chất dinh dưỡng (N, P), dầu mỡ khoáng, vi sinh.

- Nước mưa chảy tràn: khoảng $0,5 \text{ m}^3/\text{s}$. Thành phần: chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, đất, cát, rác.

2.3.2. Giai đoạn vận hành:

- Nước thải sinh hoạt: phát sinh từ hoạt động của các cán bộ công nhân xây dựng mỏ với khối lượng khoảng $0,53 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$. Thành phần: chất cặn bã, chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD) và các chất dinh dưỡng (N, P), dầu mỡ khoáng, vi sinh.

- Nước mưa chảy tràn: khoảng $1,3 \text{ m}^3/\text{s}$. Thành phần: chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, đất, cát, rác.

- Nước thải công nghiệp: Nước thải phát sinh từ quá trình sàng rửa cát, lượng thải khoảng $78 \text{ m}^3/\text{ngày}$, sau đó được chảy về hồ phía Tây Nam lắng cặn tuần hoàn tái sử dụng.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

2.4.1. Giai đoạn thi công:

- Phát sinh từ sinh hoạt của người lao động tại mỏ, khối lượng khoảng $10 \text{ kg}/\text{ngày.đêm}$. Thành phần: chủ yếu là các chất hữu cơ dễ phân huỷ như vỏ hoa quả, bã chè,... và các thành phần vô cơ như túi nilon, vỏ lon, vỏ chai.

- Hoạt động thi công tạo moong khai thác đầu tiên làm phát sinh đất đá thải với khối lượng bốc xúc khoảng $2.319,5 \text{ m}^3$.

2.4.2. Giai đoạn vận hành:

- Hoạt động sinh hoạt của người lao động tại khu vực thực hiện Dự án với khối lượng khoảng $21 \text{ kg}/\text{ngày.đêm}$. Thành phần chủ yếu là các chất hữu cơ dễ phân huỷ như vỏ hoa quả, bã chè,... và các thành phần vô cơ như túi nilon, vỏ lon, vỏ chai.

- Hoạt động khai thác sét, cát xen kẹp làm phát sinh đất đá thải (bao gồm đất bóc hữu cơ, đất xen kẹp) với khối lượng khoảng 48.856,6 m³.

- Rác thải thực vật: Tổng khối lượng sinh khối thực vật phát quang trong suốt thời gian khai thác là: 94,6 tấn.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Giai đoạn thi công: không phát sinh.

- Giai đoạn vận hành: khoảng 15 kg/tháng. Thành phần bao gồm dầu thải động cơ, ắc quy chì thải, bộ lọc dầu thải, giẻ lau dính dầu, các chi tiết, bộ phận của phanh đã qua sử dụng có chứa amiăng.

2.6. Quy mô, tính chất của chất thải khác: Không có.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về xử lý bụi, khí thải:

3.1.1. Giai đoạn xây dựng

- Sử dụng phương tiện máy móc được đăng kiểm; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; trang bị bảo hộ lao động cho công nhân. Phun nước dập bụi khu vực thi công, dọc tuyến đường vận chuyển.

3.1.2. Giai đoạn vận hành

- Giảm thiểu tác động do hoạt động khai thác sét:

- + Phun nước dập bụi trên công trường với tần suất 01 lần/ngày (tăng cường 2 lần/ngày vào các ngày thời tiết hanh khô, nắng nóng); tưới ẩm đối với đất đào trong quá trình khai thác đảm bảo độ ẩm 15 ÷ 20% trước khi triển khai các hoạt động xúc bốc, vận chuyển; tuân thủ các quy định về bảo hộ lao động và an toàn lao động đối với công nhân lao động trên công trường thi công;

- + Thực hiện rửa bánh xe trước khi ra khỏi khai trường để hạn chế bụi, cầu rửa xe được bố trí trên ô đất diện tích khoảng 5m² tại vị trí phía Nam dự án (vị trí này có thể thay đổi tùy theo thực tế mở trong quá trình khai thác). Nước sau khi rửa bánh xe được thu gom theo hệ thống rãnh thu nước khai trường về hố lắng trong dự án sau đó chảy về hồ nước phía Tây Nam mở.

- + Phân bố mật độ xe ra vào dự án phù hợp, hạn chế bụi mặt đường cuốn vào trong không khí, đảm bảo an toàn giao thông.

- Giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện, máy móc: Không sử dụng xe, máy đã quá niên hạn sử dụng; sử dụng đúng, đủ máy móc thiết bị trên mỏ để hạn chế tối đa mức độ gây tác động đến môi trường không khí khu vực; các loại xe, máy, thiết bị chuyên dùng có đăng ký, đăng kiểm đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật theo quy định. Định kỳ bảo dưỡng và đánh giá chất lượng khí thải của xe, máy hoạt động tại dự án.

- Giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh đối với hoạt động vận chuyển: Bố trí lịch vận chuyển hợp lý, hạn chế tác động cộng hưởng từ các phương tiện của dự án; vận tải đúng trọng tải xe, đúng tốc độ, không coi nói

thùng xe, phủ bạt thành xe trong quá trình vận chuyển; phun nước tưới ẩm trên tuyến đường vận chuyển, tần suất phun nước 1 lần/ngày đối với những khu vực qua khu dân cư (tăng cường 2 lần/ngày vào các ngày thời tiết hanh khô, nắng nóng), trừ những ngày mưa.

- Đổ thải theo đúng chỉ dẫn kỹ thuật thi công. San gạt, lu lèn đất đổ thải hàng ngày hạn chế phát tán bụi khi có gió.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Duy trì việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi quá trình hoạt động Dự án đảm bảo môi trường không khí xung quanh khu vực Dự án trong các giai đoạn của Dự án nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại QĐ 3733/2002/QĐ-BYT, QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT, QCVN 02:2009/BYT; QCVN 24:2016/BYT, QCVN 27:2016/BYT, QCPĐ 4:2020/QN, QCPĐ 5:2020/QN.

3.2. Về thu gom và xử lý nước thải

3.2.1. Giai đoạn thi công

a. Nước thải sinh hoạt:

Đặt 01 nhà vệ sinh di động tại mỏ cho cán bộ và công nhân sử dụng, kích thước: 0,950m x 1,300m x 2,400m, dung tích bể chứa chất thải: 550 lít. Hợp đồng với đơn vị có chức năng hút toàn bộ chất thải đi xử lý theo quy định, tần suất 2 tuần/lần, đột xuất khi bồn chứa đầy đảm bảo khả năng thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh, không thải ra môi trường.

Quy trình: Nước thải sinh hoạt → nhà vệ sinh di động → thuê đơn vị thu gom, xử lý.

b. Nước thải khác:

- Nước mưa chảy tràn: Thi công hệ thống thoát nước mưa: dài khoảng 350m, rộng mặt 1,5m, rộng đáy 0,7m sâu 0,7m. Nước mưa được thu vào các tuyến mương thoát sau đó chảy qua hố lắng về hồ nước phía Tây Nam mỏ tiếp tục lắng cặn trước khi hoà nhập vào mạng lưới thủy văn trong khu vực. Hướng tuyến thoát nước: Nước chảy theo hướng dốc từ Bắc xuống Nam, từ Đông sang Tây. Tọa độ xả thải: X = 2325935.106; Y = 422213.886.

3.2.2. Giai đoạn vận hành:

a. Nước thải sinh hoạt:

- Tiếp tục sử dụng 01 nhà vệ sinh di động tại công trường đã lắp đặt trong giai đoạn xây dựng để thu nước thải xí tiểu. Kích thước: 0,950m x 1,300m x 2,400m, dung tích bể chứa chất thải: 550 lít. Hợp đồng với đơn vị có chức năng hút toàn bộ chất thải đi xử lý theo quy định, tần suất 2 tuần/lần, đột xuất khi bồn chứa đầy đảm bảo khả năng thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh, không thải ra môi trường.

- Quy trình: Nước thải sinh hoạt → nhà vệ sinh di động → thuê đơn vị thu gom, xử lý.

b. Nước thải khác:

- Khai thác sét, cát theo đúng kế hoạch đã đặt ra, không thực hiện khai thác khi có mưa lớn, giông bão.

- Thi công hệ thống thoát nước khu vực khai thác:

+ Ở những mức có độ cao hơn bề mặt thông thủy thoát nước cho mỏ bằng cách làm các hào thoát nước chảy. Làm các hào đất thoát nước bao quanh từng khoảng (rãnh phân thủy) với độ dốc $1 \div 3\%$ đảm bảo thoát nước tự chảy, hạn chế tối đa lượng nước chảy vào mỏ.

- Rãnh thoát nước, hồ thu, hồ lắng khai trường khai thác: Khu vực khai thác có cao độ cao hơn khu vực xung quanh, cốt kết thúc khai thác cao nhất +20m (mặt tầng mái taluy phía Đông, Bắc); cốt thấp nhất mức +5m, trên mức thoát nước tự chảy do đó nước thải mỏ sẽ chảy theo địa hình chảy về hồ nước phía Tây Nam và thoát ra môi trường.

+ Rãnh thu nước mặt bằng kết thúc khai thác: kích thước rộng mặt x rộng đáy x sâu = 1,5mx0,7mx0,7m. Tổng chiều dài rãnh mặt tầng kết thúc L= 701,9m; kết cấu: rãnh đất.

+ Rãnh dọc: thoát nước từ mặt tầng trên xuống tầng dưới, xây dạng bậc thang, để giảm lưu tốc dòng chảy. Kích thước rộng mặt x rộng đáy x sâu = 0,6mx0,6mx0,5m. Kết cấu: rãnh đất, có gia cố đá (tận dụng đá thải phát sinh tại mỏ).

+ Hồ thu: phục vụ nhập, chuyển hướng thoát nước từ các tuyến rãnh thu. Kích thước: dài, rộng mặt, rộng đáy, sâu = 2m, 2m, 1,2m, 1,0m. Dung tích hồ 2,61m³/hồ. Số lượng: 38 hồ. Vị trí: tại các chân tầng khai thác, mặt bằng kết thúc khai thác. Kết cấu: hồ đất.

+ Hồ lắng: lắng cặn trước khi chảy về hồ phía Tây Nam. Kích thước: dài, rộng mặt, rộng đáy, sâu = 5m, 5m, 2,5m, 1,5m. Dung tích hồ 21,88m³/hồ. Số lượng: 4 hồ. Vị trí: 02 hồ phía Tây; 02 hồ phía Nam. Kết cấu: hồ đất.

+ Hồ nước: Hiện trạng trong ranh giới mỏ có 01 hồ nước, vị trí: phía Tây Nam mỏ, dung tích chứa lớn nhất khoảng 22.185m²; hồ gồm 2 ngăn, thông với nhau bằng 1 công tròn BTCT.

- Nước thải sản xuất (sàng rửa cát): Nguồn nước sử dụng: lấy từ hồ nước phía Tây Nam mỏ. Toàn bộ nước thải từ hoạt động sàng rửa cát được thu gom qua tuyến rãnh đất trong mỏ chảy ngược về hồ để lắng cặn, tái sử dụng, không xả thải nước thải chưa xử lý lắng ra môi trường.

- Nguồn tiếp nhận nước từ quá trình khai thác mỏ: suối phía Tây Nam mỏ sau đó chảy ra nguồn tiếp nhận cuối cùng là Sông Trới. Tọa độ vị trí cửa xả: X = 2325935.106; Y = 422213.886.

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực mỏ sau khi xử lý lắng cặn qua các hồ thu, hồ lắng, hồ nước phía Tây Nam mỏ được thải ra môi trường đảm bảo thủ theo QCDP 01:2020/QN (Cột B2) - Quy chuẩn địa phương về chất lượng nước mặt tỉnh Quảng Ninh; QCDP 3:2020/QN (cột B) – Quy chuẩn địa phương về nước thải công nghiệp tỉnh Quảng Ninh.

- Nước thải từ quá trình phun rửa bánh xe được thu gom theo hệ thống rãnh thu nước về bể lắng dầu dung tích $1,5m^3$. Kích thước: dài x rộng x cao = $1,5 \times 1 \times 1m$. Vị trí: phía Nam dự án. Kết cấu: xây gạch, trát vữa xi măng mác 100, đáy nền đầm chặt, xây gạch, láng vữa xi măng. Bể gồm 3 ngăn, giữa các vách ngăn có lỗ cho nước đi qua, văng dầu mỡ được giữ lại phía trên mặt, được thu gom hàng ngày đưa về kho chứa chất thải nguy hại tại nhà máy gạch ngói. Nước sau tách văng dầu được sử dụng cho mục đích phun nước dập bụi tại dự án.

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét đất, cát lắng đọng tại các hồ lắng và rãnh thoát nước với tần suất 3 tháng/lần, trước và sau mỗi trận mưa lớn để đảm bảo hiệu quả xử lý.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

3.3.1. Giai đoạn thi công

a. Chất thải rắn sinh hoạt:

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động của công nhân phát sinh tại khai trường được thu gom vào các thùng đựng rác dung tích $10 \div 20$ lít. Thùng rác sử dụng là thùng nhựa, thùng phi không có tính chất nguy hại, có nắp đậy tập kết tại khu vực tập trung rác thải của nhà máy gạch ngói chờ đơn vị chức năng vận chuyển xử lý theo quy định. Thời gian vận chuyển rác thải sinh hoạt từ 16h ÷ 17h hàng ngày. Tần suất 01 lần/ngày.

b. Đất đá thải:

- Đất thải phát sinh trong giai đoạn thi công được đổ thải vào các moong hiện trạng trong mỏ, không vận chuyển đi đổ thải.

3.3.2. Giai đoạn vận hành:

a. Chất thải rắn sinh hoạt:

- Thu gom vào các thùng đựng rác dung tích $10 \div 20$ lít. Thùng rác sử dụng là thùng nhựa, thùng phi không có tính chất nguy hại, có nắp đậy tập kết tại khu vực tập trung rác thải của nhà máy gạch ngói chờ đơn vị chức năng vận chuyển xử lý theo quy định. Thời gian vận chuyển rác thải sinh hoạt từ 16h ÷ 17h hàng ngày. Tần suất 01 lần/ngày.

b. Đất đá thải:

- Lượng đất thải phát sinh phát sinh từ năm thứ 1 đến năm thứ 3 sẽ được san lấp dần 3 moong hiện có trong ranh giới mỏ. Từ năm thứ 4 và thứ 5 thực hiện san gạt phủ vào diện tích mặt bằng khu vực đã kết thúc khai thác các năm thứ 1, 2, 3 và diện tích moong chưa lấp còn lại, từ năm thứ 6 trở đi san gạt lấp vào khu vực đã kết thúc khai thác.

- Sau khi kết thúc toàn bộ dự án, toàn bộ lượng đất thải được tận dụng để tạo mặt bằng, phủ đất trồng cây cải tạo, phục hồi môi trường.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý các loại chất thải sinh hoạt và chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm

bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại (CTNH):

- Tại mỏ không bố trí kho chứa CTNH. Toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh tại khai trường định kỳ được vận chuyển về lưu chứa tại kho CTNH của công ty đã bố trí tại nhà máy gạch. Thuê đơn vị có đủ chức năng vận chuyển, đưa đi xử lý theo quy định.

- Trên mặt bằng mỏ bố trí 01 thùng chứa dung tích 120 lít tại khu vực mỏ để thu gom chất thải nguy hại dạng rắn, 01 phuy chứa loại 200 lít tại khu vực mỏ để thu gom dầu mỡ thải ở trạng thái lỏng. Các thùng chứa có nắp đậy và được dán nhãn cảnh báo theo quy định.

- Nghiêm cấm các hoạt động chôn lấp, đốt hoặc đổ thải đối với dầu mỡ thải và các chất thải rắn nguy hại trên khai trường.

- Không sửa chữa trang thiết bị, phương tiện vận tải và máy móc thi công trên khai trường. Các trang thiết bị cần sửa chữa, bảo dưỡng được đưa về khu vực xưởng sửa chữa bên ngoài đơn vị.

- Đánh giá hiệu quả thực hiện: Đảm bảo việc thu gom, xử lý chất thải nguy hại tuân thủ các quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 06 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quản lý chất thải nguy hại trên cơ sở xem xét sự phù hợp với dự án.

3.5. Công trình, biện pháp lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải khác: Không có.

3.6. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

- Sử dụng các thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn, được đăng kiểm theo quy định; các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, thường xuyên. Bố trí các thiết bị phát sinh tiếng ồn một cách hợp lý. Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, kiểm tra độ mòn chi tiết thường kỳ, cho dầu bôi trơn hoặc thay thế những thiết bị hư hỏng. Thiết kế lắp đặt, vận hành các máy móc thiết bị theo đúng kỹ thuật.

3.6. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường:

3.6.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường được chọn:

- San gạt trên mặt bằng kết thúc khai thác, mặt tầng kết thúc khai thác: diện tích 113.580m². Khối lượng đất san gạt: 43.754m³. Trồng cây thông Mã vĩ, mật độ trồng: 2.500 cây/ha.

- Phá dỡ công trình tạm 15m², kết cấu khung thép, quay tôn, mái lợp tôn, nền đất đầm chặt.

- Nạo vét khe suối lân cận giáp phía Tây Nam dự án: thực hiện trong 4 năm, 2 lần/năm. Khối lượng: 600m³.

- Lắp đặt 01 biển cảnh báo và hàng rào lưới thép kích thước dài 300m x cao 1,5m.

3.6.2. Danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường:

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng	Mã hiệu
1.	Vận chuyển đất màu bằng ô tô tự đổ	m ³	33.449,6	AB.42121
2.	San đất bãi thải bằng máy ủi 110 CV	m ³	33.449,6	AB.34110
3.	Vận chuyển, san gạt lấp rãnh thoát nước, hố lãng	m ³	727,2	AB.42121 AB.34110
4.	Nạo vét khe suối giáp dự án; Vận chuyển đất nạo vét.	m ³	600	AB.24111; AB.41121
5.	Tháo dỡ công trình tạm:			
	- Tháo dỡ mái tôn bằng thủ công.	m ²	50	AA.31221
	- Tháo dỡ khung thép, xà gỗ, vì kèo bằng thủ công	Tấn	1,8	AA.31121
6.	Lắp đặt biển báo, hàng rào			
	- Lắp đặt cột đỡ biển báo bê tông cốt thép.	Cột	4	AD.31331
	- Lắp đặt hàng rào lưới thép gai.	m	300	AI.11511
7.	Trồng cây cải tạo môi trường			
-	Trồng cây Thông Mã vĩ	ha	11,358	Đơn giá trồng cây
-	Mật độ trồng	cây/ha	2500	
-	Số lượng cây	cây	28.395	

3.6.3. Kế hoạch thực hiện:

- Thời gian thực hiện từ khi bắt đầu đến khi dự án kết thúc, tiến hành hoàn thiện trồng, chăm sóc cây trong 05 năm kể từ khi kết thúc khai thác.

- Do khối lượng công việc cải tạo, phục hồi môi trường không lớn dự kiến thực hiện trong 6 tháng (thời gian thực hiện đề án đóng cửa mỏ) nên Chủ dự án không phân chia giai đoạn thực hiện mà chủ động thi công theo thứ tự sau:

+ San gạt, cải tạo mặt bằng khu vực kết thúc khai thác và mặt tầng kết thúc khai thác theo từng năm, phá dỡ công trình tạm.

+ Trồng cây thông trên diện tích mặt bằng kết thúc khai thác, hồ lắng, mặt tầng kết thúc khai thác.

+ San gạt lấp rãnh thoát nước, hồ thu của khu khai thác; Nạo vét khe suối lân cận dự án (định kỳ 2 lần/năm).

+ Lắp đặt biển cảnh báo nguy hiểm và hàng rào thép phía Tây hồ (Diện tích hồ nước và hành lang hồ giữ nguyên).

3.6.4. Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường:

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường: 1.627.461.000 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ, sáu trăm hai mươi bảy triệu, bốn trăm sáu mươi một nghìn đồng*).

- Số lần ký quỹ: 10 lần.

- Số tiền đã ký quỹ đến thời điểm hiện tại là: 1.054.933.363 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ, không trăm năm mươi bốn triệu, chín trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm sáu mươi ba đồng*) (chưa bao gồm yếu tố trượt giá các lần nộp), theo Quyết định số 5300/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Quảng Ninh.

- Tổng số tiền còn lại phải ký quỹ: 572.527.637 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm bảy mươi hai triệu, năm trăm hai mươi bảy nghìn, sáu trăm ba mươi bảy đồng*).

- Số tiền ký quỹ lần đầu: 143.131.909 đồng (*Bằng chữ: Một trăm bốn mươi ba triệu, một trăm ba mươi một nghìn, chín trăm linh chín đồng*).

- Số tiền ký quỹ những lần tiếp theo (chưa tính đến yếu tố trượt giá): 48.794.969 đồng (*Bằng chữ: Bốn mươi tám triệu, bảy trăm chín mươi tư nghìn, chín trăm sáu mươi chín đồng*).

- Thời điểm ký quỹ: Trước ngày đăng ký xây dựng cơ bản mỏ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường và phát triển đất tỉnh Quảng Ninh.

3.7. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

3.7.1. Sự cố cháy nổ:

- Ban hành quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng chống cháy nổ, thoát nạn; quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho Dự án; thường xuyên tổ chức tập huấn nghiệp vụ phòng chống cháy nổ và bố trí lực lượng thường trực sẵn sàng đáp ứng yêu cầu chữa cháy tại chỗ, thường xuyên tổ chức tập huấn; lập phương án phòng chống cháy nổ, thoát nạn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

- Giảm thiểu, phòng chống sự cố cháy rừng: Tuyên truyền, hướng dẫn cán

bộ công nhân viên có ý thức cảnh giác, phòng chống cháy rừng. Tuân thủ nghiêm ngặt về quy định về phòng chống cháy rừng theo đúng luật phòng cháy chữa cháy và nghị định số 09/2006/NĐ-CP ngày 16/01/2006 quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng. Giám sát việc thực hiện các biện pháp phòng chống cháy rừng trong suốt quá trình thực hiện dự án. Nghiêm cấm các hoạt động làm phát sinh môi lửa khu vực gần rừng. Nhanh chóng cử các cán bộ đến khu vực xảy ra sự cố để kịp thời dập lửa cháy, phát quang tạo đường băng để ngăn chặn đám cháy lan sang khu vực khác.

3.7.2. Sự cố về tai nạn lao động, tai nạn giao thông:

- Thường xuyên tổ chức diễn tập cho các tình huống xảy ra sự cố tai nạn lao động.

- Thực hiện khai thác mỏ theo đúng kế hoạch và trình tự thi công theo hộ chiếu đã được phê duyệt. Duy trì khoảng cách an toàn từ mép tầng đến vị trí thiết bị làm việc từ $2,5 \div 3$ m.

- Thực hiện lắp đặt hàng rào lưới mắt cáo khu vực dự án tiếp giáp với khu dân cư, đường giao thông liên xóm dọc theo ranh giới phía Tây, Tây Bắc dự án để đảm bảo an toàn cho người và động vật, an toàn khai trường. Chiều dài thi công lưới: khoảng 300m. Thời gian thực hiện: Sau khi mở thực hiện thuê đất giai đoạn 2 để khai thác.

- Các lái xe phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về luật lệ giao thông, các nội quy và quy trình và quy định của mỏ, của công ty ban hành.

- Hệ thống đường vận tải thường xuyên được duy trì bảo dưỡng, sửa chữa, mùa mưa phải có kế hoạch chống lầy, chống trượt cho ô tô trên các tuyến dốc, đường nền mềm yếu. Đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật về đường ô tô các loại cố định và bán cố định, kể cả đường tạm trên tầng.

- Quy định tốc độ đối với các phương tiện vận chuyển.

- Bố trí hợp lý mật độ hoạt động của các phương tiện để tránh xảy ra va chạm giữa các phương tiện đặc biệt là trên tuyến đường giao cắt với tuyến đường liên thôn.

- Sửa chữa những đoạn đường hư hỏng trong quá trình vận chuyển khai thác kịp thời.

- Phối hợp với trạm y tế xã để xây dựng quy trình sơ cấp cứu ban đầu và triển khai các hoạt động cứu trợ khẩn cấp khi xảy ra sự cố tai nạn lao động trên công trường trong mọi tình huống.

3.7.3. Sự cố về thiên tai, bão lụt, trượt lở:

- Xây dựng, gia cố rãnh dọc cho tất cả các đoạn nương thoát nước của khu khai thác nhằm chống xói và bảo vệ nền mặt đường, với kết cấu gia cố rãnh dọc theo thiết kế đối với từng vị trí.

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét bùn đất lắng trên hệ thống rãnh, hồ thu, hồ lắng, đảm bảo khả năng tiêu thoát nước. Xây dựng phương án phòng chống

bão lụt trước mùa mưa bão.

- Đối với khu vực khai thác: Thiết kế hệ số mái đối với lớp đất đào phù hợp với cấu tạo địa chất của nền tự nhiên và phù hợp với từng tầng khai thác theo tiến độ khai thác của dự án.

- Đối với tuyến đường công vụ: nền đường đắp được thiết kế bằng vật liệu đất khai thác từ mỏ được đầm nén đạt độ chặt $K > 0,95$.

- Tại chân các tầng khai thác được tạo tuyến mương khai thác nhằm đảm bảo khả năng thoát nước tạo sự ổn định chống sạt lở cho các mái taluy.

- Đổ đất thải cần tuân thủ theo kế hoạch đổ thải của dự án. Chất thải sau khi đổ thải được san gạt bằng phẳng, không tạo thành từng đống cao.

- Bố trí rào chắn, biển cảnh báo nguy hiểm tại những nơi có khả năng rơi vãi, sạt lở.

- Thường xuyên kiểm tra và quan trắc hiện tượng trượt, sạt lở để có biện pháp xử lý kịp thời.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

- Dự án không có công trình thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Chương trình quản lý và giám sát môi trường giai đoạn xây dựng, vận hành

a. Giám sát môi trường không khí

- Vị trí giám sát: 03 vị trí trong khai trường mỏ (phía Nam, Tây và Tây Bắc mỏ).

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, hướng gió, tốc độ gió, tiếng ồn, độ rung, bụi TSP, NO_2 , SO_2 , CO.

- Tần suất thực hiện: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn đối chứng: QĐ 3733/2002/QĐ-BYT; QCVN 24:2016/BYT; QCVN 27:2016/BYT, QCVN 4:2020/QN - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng không khí xung quanh tỉnh Quảng Ninh.

b. Giám sát chất lượng nước

- Vị trí điểm giám sát: 02 vị trí (Hồ nước phía Tây Nam mỏ; Điểm xả nước sau xử lý lắng từ hồ nước ra khe suối).

- Thông số giám sát: pH, TSS, COD, BOD_5 , amoni, tổng nitơ, tổng photpho, Fe, Cu, Pb, Hg, As, Coliform.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/ lần.

- Quy chuẩn đối chứng: QCVN 3:2020/QN (Cột B) - Quy chuẩn địa phương về nước thải công nghiệp, $k_f=0,9$, $k_T=1$;

c. Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại:

- Vị trí giám sát: Khu vực phát sinh chất thải rắn và chất thải nguy hại; khu vực lưu chứa chất thải nguy hại.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên và liên tục.

- Thông số giám sát: Khối lượng, chủng loại và hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

5.2. Chương trình quản lý và giám sát môi trường giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường:

- Giám sát chất lượng nước thải: Vị trí giám sát: Điểm xả ra môi trường của hồ nước phía Tây Nam mỏ.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Thông số giám sát: pH, BOD₅, COD, TSS, tổng N, Tổng P, Fe, Mn, Cr, tổng Coliforms, dầu mỡ.

Quy chuẩn so sánh: QCVN 3:2020/QN (Cột B) - Quy chuẩn địa phương về nước thải công nghiệp, $k_q=0,9$, $k_f=1$.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

6.1. Tiến hành khai thác theo đúng tọa độ, diện tích, cao độ thiết kế, trữ lượng, thời gian và công suất được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để giảm thiểu ô nhiễm bụi, nước mưa chảy tràn, bồi lắng, úng ngập. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp kỹ thuật, thu gom và xử lý tất cả các loại chất thải (chất thải rắn, chất thải nguy hại, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn) phát sinh trong quá trình chuẩn bị, thi công xây dựng, vận hành và cải tạo phục hồi môi trường của Dự án, đảm bảo đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành và các quy định pháp luật khác có liên quan, hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, chất lượng nước, hệ sinh thái thủy sinh khe suối phía Tây trong quá trình thi công, vận hành Dự án.

6.2. Xây dựng các công trình thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn tại khu vực khai thác, khu phụ trợ và khu đổ thải trong quá trình thực hiện Dự án đạt QCVN 3:2020/QN (Cột B) - Quy chuẩn địa phương về nước thải công nghiệp; có biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tại khu vực phụ trợ đạt QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B trước khi thải ra môi trường.

6.3. Duy trì việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi quá trình hoạt động Dự án đảm bảo môi trường không khí

xung quanh khu vực Dự án trong các giai đoạn của Dự án nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại QCDP 4:2020/QN, QCPĐ 5:2020/QN.

6.4. Thực hiện các biện pháp phù hợp để giảm thiểu tác động của Dự án đến các hoạt động giao thông. Duy tu, hoàn trả hạ tầng kỹ thuật (đường vận tải dùng chung, đường liên xóm, các công trình giao thông...) sử dụng trong khai thác theo Điều 5, Luật Khoáng sản năm 2010. Có trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường nếu gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác tùy theo mức độ thiệt hại. Dừng thi công và khai thác khi có khiếu kiện của người dân và chỉ hoạt động trở lại khi giải quyết dứt điểm các kiến nghị của nhân dân địa phương.

6.5. Thực hiện thủ tục đăng ký đối với tuyến đường vận chuyển theo quy định. Không sử dụng xe hoán cải, coi nới thùng hàng trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, vận chuyển sản phẩm và vận chuyển đồ thải, không chở quá trọng tải. Chịu trách nhiệm về trọng tải của phương tiện khi rời bãi. Bóc xếp vật liệu lên các phương tiện vận tải đúng quy cách.

6.6. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường của Dự án và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác như đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

6.7. Thực hiện cải tạo phục hồi môi trường theo đúng các hạng mục, thời gian nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

6.8. Thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng rừng và nghĩa vụ trồng rừng thay thế theo quy định của Luật Lâm nghiệp năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

6.9. Tuân thủ các quy định hiện hành về bảo vệ nguồn nước, khai thác, xả nước thải vào nguồn nước, các quy định về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ. Lập phương án và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu rủi ro đến môi trường.

6.10. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an ninh trật tự đối với đội ngũ cán bộ và công nhân viên tham gia trong quá trình vận hành của dự án. Hướng dẫn cán bộ công nhân viên tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường.

6.11. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện như cam kết đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

6.12. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 2204/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 06 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung, đính chính một số nội dung trong Quyết định số 483/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư khai thác sét, thu hồi cát xen kẹp làm nguyên liệu sản xuất gạch ngói và làm vật liệu xây dựng tại mỏ sét xã Lê Lợi, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh của Công ty Cổ phần Gốm và Xây dựng Hạ Long I

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 483/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư khai thác sét, thu hồi cát xen kẹp làm nguyên liệu sản xuất gạch ngói và làm vật liệu xây dựng tại mỏ sét xã Lê Lợi, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh của Công ty Cổ phần Gốm và Xây dựng Hạ Long I;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 378/TTr-TNMT ngày 28/6/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung, đính chính một số nội dung trong Quyết định số 483/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư khai thác sét, thu hồi cát xen kẹp làm nguyên liệu sản xuất gạch ngói và làm vật liệu xây dựng tại mỏ sét xã Lê Lợi, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh của Công ty Cổ phần Gốm và Xây dựng Hạ Long I, như sau:

1. Bổ sung nội dung tại Điều 4 Quyết định số 483/QĐ-UBND, cụ thể:

“**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Giấy Xác nhận đăng ký Bản cam kết bảo vệ môi trường số 317/UBND ngày 15/7/2008 của UBND huyện Hoành Bồ cho Dự án Khai thác sét sản xuất

gạch nung của Công ty cổ phần Gốm và Xây dựng Hạ Long I tại xã Lê Lợi, huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh và Quyết định số 5300/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung Dự án Khu khai thác sét tại xã Lê Lợi, huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh của Công ty Cổ phần Gốm và Xây dựng Hạ Long I. Các Ông (Bà): Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long; Giám đốc Công ty Cổ phần Gốm và Xây dựng Hạ Long I và các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành”.

2. Định chính nội dung tại mục 3.6.4 thuộc Phụ lục đi kèm Quyết định số 483/QĐ-UBND, cụ thể:

- Tại mục 3.6.4 đã ghi:

+ Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường: 1.627.461.000 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ, sáu trăm hai mươi bảy triệu, bốn trăm sáu mươi một nghìn đồng*).

+ Số lần ký quỹ: 10 lần.

+ Số tiền đã ký quỹ đến thời điểm hiện tại là: 1.054.933.363 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ, không trăm năm mươi bốn triệu, chín trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm sáu mươi ba đồng*) (chưa bao gồm yếu tố trượt giá các lần nộp), theo Quyết định số 5300/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Quảng Ninh.

+ Tổng số tiền còn lại phải ký quỹ: 572.527.637 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm bảy mươi hai triệu, năm trăm hai mươi bảy nghìn, sáu trăm ba mươi bảy đồng*).

+ Số tiền ký quỹ lần đầu: 143.131.909 đồng (*Bằng chữ: Một trăm bốn mươi ba triệu, một trăm ba mươi một nghìn, chín trăm linh chín đồng*).

+ Số tiền ký quỹ những lần tiếp theo (chưa tính đến yếu tố trượt giá): 48.794.969 đồng (*Bằng chữ: Bốn mươi tám triệu, bảy trăm chín mươi tư nghìn, chín trăm sáu mươi chín đồng*).

+ Thời điểm ký quỹ: Trước ngày đăng ký xây dựng cơ bản mở.

- Nay định chính là:

+ Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường: 1.627.461.000 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ, sáu trăm hai mươi bảy triệu, bốn trăm sáu mươi một nghìn đồng*).

+ Số lần ký quỹ: 10 lần.

+ Số tiền đã ký quỹ đến thời điểm hiện tại là: **1.248.495.649** đồng (*Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm bốn mươi tám triệu, bốn trăm chín mươi năm nghìn, sáu trăm bốn mươi chín đồng*). Số tiền trên đã bao gồm yếu tố trượt giá các lần nộp theo Quyết định số 5300/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Quảng Ninh.

+ Tổng số tiền còn lại phải ký quỹ: **378.965.351** đồng (*Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi tám triệu, chín trăm sáu mươi năm nghìn, ba trăm năm mươi một đồng*).

+ Số tiền ký quỹ lần đầu: **94.741.337 đồng** (*Bằng chữ: Chín mươi tư triệu, bảy trăm bốn mươi một nghìn, ba trăm ba mươi bảy đồng*).

+ Số tiền ký quỹ những lần tiếp theo (chưa tính đến yếu tố trượt giá): **31.580.446 đồng** (*Bằng chữ: Ba mươi một triệu, năm trăm tám mươi nghìn, bốn trăm bốn mươi sáu đồng*).

+ Thời điểm ký quỹ: **Thực hiện ký quỹ lần đầu trong thời hạn không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày được phê duyệt phương án.**

3. Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 483/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 của UBND tỉnh.

Điều 2. Quyết định này là một bộ phận cấu thành của Quyết định số 483/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư khai thác sét, thu hồi cát xen kẹp làm nguyên liệu sản xuất gạch ngói và làm vật liệu xây dựng tại mỏ sét xã Lê Lợi, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh của Công ty Cổ phần Gốm và Xây dựng Hạ Long I.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Các Ông (Bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND thành phố Hạ Long, Giám đốc Công ty Cổ phần Gốm và Xây dựng Hạ Long I và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Các Sở: XD, TC, NN&PTNT;
- Công an tỉnh;
- V0, V1-3, MT;
- Lưu: VT, MT;
- 08 bản, M-QĐ 146

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Văn Thành

• FSHGH: - FGH KHHCT (Baş fôc)

- FGH TUCF

- FGH Tere Lah

- Tghn Ctg

21/10/11
x

✓

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Số: 2821/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 9 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH

Về việc gia hạn thời gian sử dụng đất với diện tích 114.993,8 m² cho Công ty cổ phần Gốm và Xây dựng Hạ Long 1 (đã được UBND tỉnh cho thuê tại Quyết định số 2691/QĐ-UBND ngày 19/8/2016) để thực hiện dự án khai thác sét sản xuất gạch ngói tại xã Lê Lợi, thành phố Hạ Long

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật tổ chức Chính phủ và luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính; Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai; Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật đất đai;

Căn cứ Quyết định số 2841/QĐ-UBND ngày 07/9/2011 của UBND tỉnh “về việc phê duyệt mặt bằng quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khai thác sét làm vật liệu xây dựng sản xuất gạch tại xã Lê Lợi, huyện Hoành Bồ”;

Căn cứ Quyết định số 1363/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh “về việc phê duyệt trữ lượng trong báo cáo kết quả tổng hợp tài liệu địa chất, thăm dò bổ sung và tính trữ lượng cát xen kẹp giữa các lớp sét làm vật liệu xây dựng thông



thường trong ranh giới Giấy phép khai thác khoáng sản số 429/QĐ-UBND ngày 29/02/2012 tại xã Lê Lợi, huyện Hoàn Bô, tỉnh Quảng Ninh”;

Căn cứ Quyết định số 483/QĐ-UBND ngày 22/02/2021 của UBND tỉnh “về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư khai thác sét, thu hồi cát xen kẹp làm nguyên liệu sản xuất gạch ngói và làm vật liệu xây dựng tại mỏ sét xã Lê Lợi, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh của Công ty cổ phần Gốm và Xây dựng Hạ Long I” và Quyết định số 2204/QĐ-UBND ngày 06/7/2021 của UBND tỉnh về việc bổ sung, đính chính một số nội dung trong Quyết định số 483/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2691/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của UBND tỉnh “về việc cho Công ty cổ phần gốm và xây dựng Hạ Long 1 thuê đất giai đoạn 1 theo phương thức thuê đất trả tiền hàng năm để sử dụng vào mục đích khai thác sét sản xuất gạch nung tại xã Lê Lợi, huyện Hoàn Bô”;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) số 619/GP-UBND ngày 10/3/2022 và Quyết định số 2576/QĐ-UBND ngày 07/9/2022 của UBND tỉnh cấp phép cho Công ty cổ phần Gốm và Xây dựng Hạ Long 1;

Căn cứ Văn bản số 1843/KHĐT-KTN ngày 24/5/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư “về việc Công ty cổ phần Gốm và Xây dựng Hạ Long 1 xin gia hạn thuê đất để khai thác sét làm nguyên liệu sản xuất gạch ngói tại mỏ sét xã Lê Lợi, thành phố Hạ Long”;

Căn cứ Quyết định số 1948/QĐ-UBND ngày 08/7/2022 của UBND tỉnh “về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố Hạ Long”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 357/TTr-TNMT-QHKH ngày 22/9/2022;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn thời gian sử dụng đất với diện tích 114.993,8 m² cho Công ty cổ phần Gốm và Xây dựng Hạ Long 1 (đã được UBND tỉnh cho thuê tại Quyết định số 2691/QĐ-UBND ngày 19/8/2016) để thực hiện dự án khai thác sét sản xuất gạch ngói tại xã Lê Lợi, thành phố Hạ Long.

- Thời gian sử dụng đất: Từ ngày 29/02/2022 đến ngày 31/12/2024 (theo Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) số 619/GP-UBND ngày 10/3/2022 của UBND tỉnh).

- Hình thức thuê đất: Thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.

- Ranh giới khu đất được xác định theo Bản trích lục và đo vẽ bổ sung khu đất xin thuê giai đoạn 1 tỷ lệ 1/500 đã được phê duyệt kèm theo Quyết định số 2691/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của UBND tỉnh.

Điều 2. Căn cứ Điều 1 của Quyết định này Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan có trách nhiệm:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về tiền thuê đất; thông báo cho Người được thuê đất nộp phí và lệ phí theo quy định; ký hợp đồng thuê đất với Công ty cổ phần Gốm và Xây dựng Hạ Long 1; chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định của pháp luật.

2. Cục thuế tỉnh có trách nhiệm xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

3. Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long, UBND xã Lê Lợi tổ chức quản lý chặt chẽ ranh giới, mục đích sử dụng đất theo quyết định thuê đất; xử lý nghiêm những vi phạm (nếu có);

4. Công ty cổ phần Gốm và Xây dựng Hạ Long 1 đến Sở Tài nguyên và Môi trường ký hợp đồng thuê đất, nộp phí, lệ phí địa chính; quản lý sử dụng đất theo đúng quy định. Kết thúc khai thác thực hiện đóng cửa mỏ, cải tạo phục hồi môi trường, bàn giao đất cho địa phương quản lý theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

1. Các ông, bà: Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long; Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Người được thuê đất tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành.

2. Văn phòng UBND tỉnh, UBND thành phố Hạ Long chịu trách nhiệm đăng tin công khai Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của Tỉnh và của Thành phố theo đúng quy định./. *Th*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, P1, P4;
- V0, V1, QH2, XD1, QLDD1-2;
- Lưu: VT, TTTT, QLDD3;
- 06bản, QĐ108.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Văn Thành

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2841/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 07 tháng 9 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Mặt bằng Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500
Khai thác sét làm vật liệu xây dựng sản xuất gạch tại xã Lê Lợi,
huyện Hoành Bồ.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị của Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ 5 số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Quyết định số 4444/2007/QĐ-UBND ngày 29/11/2007 của UBND tỉnh Quảng Ninh "V/v ban hành Qui định về trình tự chấp thuận địa điểm xây dựng và lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng các Dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh".

Căn cứ Quyết định số 726/QĐ-UB ngày 22/2/2002 của UBND tỉnh "V/v cho phép Công ty Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà Quảng Ninh khai thác sét sản xuất gạch nung"; Quyết định số 211/QĐ-UB ngày 19/1/2009 của UBND tỉnh "V/v cho phép tiếp tục thực hiện quyền khai thác khoáng sản đối với Công ty cổ phần gốm và xây dựng Hạ Long I".

Xét đề nghị Sở Xây dựng tại Tờ trình số 172/TTr-SXD ngày 9/5/2011; Văn bản số 1097/SXD-QH ngày 11/7/2011; Hồ sơ đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đã được Ủy ban Nhân dân huyện Hoành Bồ thỏa thuận, Sở Xây dựng thẩm định, trình.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Mặt bằng Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khai thác sét làm vật liệu xây dựng sản xuất gạch tại xã Lê Lợi, huyện Hoành Bồ với nội dung sau:

1. Phạm vi, ranh giới:

- Phạm vi: tại xã Lê Lợi, huyện Hoành Bồ, có vị trí như sau:
 - + Phía Bắc giáp đồi và khu hồ An Biên;
 - + Phía Nam giáp Nhà máy gạch của công ty.
 - + Phía Tây, Đông giáp đồi.

2. Mục đích:

- Là khu mỏ sét phục vụ nhà máy gạch của Công ty Cổ phần gốm và xây dựng Hạ Long I.

3. Quy hoạch sử dụng đất và quy mô xây dựng:

- Ranh giới theo các điểm A1, A2... A8, A1. Diện tích 13,7113ha.

- Công suất khai thác 40.000m³/năm. Tổng khối lượng mỏ theo phương án thiết kế khoảng 595.884m³.

- Phương án khai thác như sau:

+ Cao độ nền +5,0m ÷ 29,0m,

+ Độ dốc nền sau khai thác là 0,04%, đảm bảo thoát nước tự chảy, nước mặt được thoát về phía Nam sau đó thu gom về hệ thống thoát nước chung.

+ Mái taluy đào: m = 0,45.

+ Chiều cao của ta luy đào sau khi khai thác đất là 5,0m.

+ Do ta luy đào có chiều cao 24m nên cứ mỗi ta luy đào cao 5m yêu cầu bố trí chân ta luy có chiều rộng 5m.

+ Mái ta luy trồng cỏ để hoàn nguyên môi trường đồng thời chống sạt lở đất.

+ Khối lượng đất khai thác khoảng: 595.884m³;

4. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

Tuân thủ theo phương án khai thác mỏ sét đã được Sở Công thương thẩm định tại số 518/SCT-KT ngày 25/6/2008.

4.1 Giao thông:

Làm đường nội mỏ lên đỉnh đồi và tạo mặt bằng mức +30m, thông số:

+ Chiều rộng mặt đường 12m;

+ Chiều dài toàn tuyến 500m;

+ Độ dốc trung bình 2%.

4.2 San nền:

- Cao độ san nền kết thúc mỏ +5m.

- Do ta luy đào có chiều cao 24m nên cứ mỗi ta luy đào cao 5m yêu cầu bố trí chân ta luy có chiều rộng 5m. Mái ta luy trồng cỏ để hoàn nguyên môi trường đồng thời chống sạt lở đất.

4.3 Thoát nước mưa:

- Định hướng thoát nước: Nước mưa được thu gom bằng hệ thống mương hở B70 và thoát về phía Tây Nam khu đất quy hoạch.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Công ty Cổ phần gốm và xây dựng Hạ Long I triển khai các bước tiếp theo của dự án theo quy định: Công bố công khai quy hoạch được duyệt; hoàn thiện các hồ sơ thiết kế, dự án, đấu nối hạ tầng kỹ thuật; lưu trữ hồ sơ; thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng; lập và trình duyệt hồ sơ đất đai; khai thác theo

thiết kế được duyệt; phối hợp cùng các cơ quan chức năng, đơn vị có liên quan triển khai các bước tiếp theo đảm bảo quy định; thực hiện các nội dung yêu cầu của Sở Xây dựng tại văn bản số 172/TTr-SXD ngày 09/5/2011; phân kỳ khai thác đến trước tháng 2/2012 (thời điểm hết hạn theo giấy phép khai thác) chỉ khai thác từ đoạn thẳng đi qua điểm A5 song song với tường rào Nhà máy về phía Nam (phía Nam nhà máy).

- Ủy ban Nhân dân huyện Hoàn Bô phối hợp với Chủ đầu tư công bố công khai quy hoạch; thực hiện chức năng quản lý Nhà nước theo quy định.

- Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện chức năng quản lý Nhà nước của ngành theo các quy định hiện hành; hướng dẫn, đôn đốc Chủ đầu tư triển khai thực hiện các bước tiếp theo đảm bảo quy định hiện hành.

Điều 3. Các Ông (Bà): Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện Hoàn Bô; Giám đốc Công ty Cổ phần gốm và xây dựng Hạ Long I; Thủ trưởng các ngành và đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./. *TC*

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh (B/c);
 - Như điều 3 (thực hiện);
 - V0, V1, V2, V3, HC1, QH1, QLBD1-2, GT1-2; XD1-2, VX1-2, CN1, TH1;
 - Lưu: VT, QH2.
- 25 bản-QĐ10

TM. UBND TỈNH QUẢNG NINH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Thông

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 2363 Quyển số: 2 SCT/BS.
Ngày: 7 tháng 5 năm 2015
PHÓ CHỦ TỊCH UBND THỊ TRẤN TRỖI



Nguyễn Hữu Dương

